



# TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

## BẢN TIN THAN TUẦN 4 - THÁNG 12

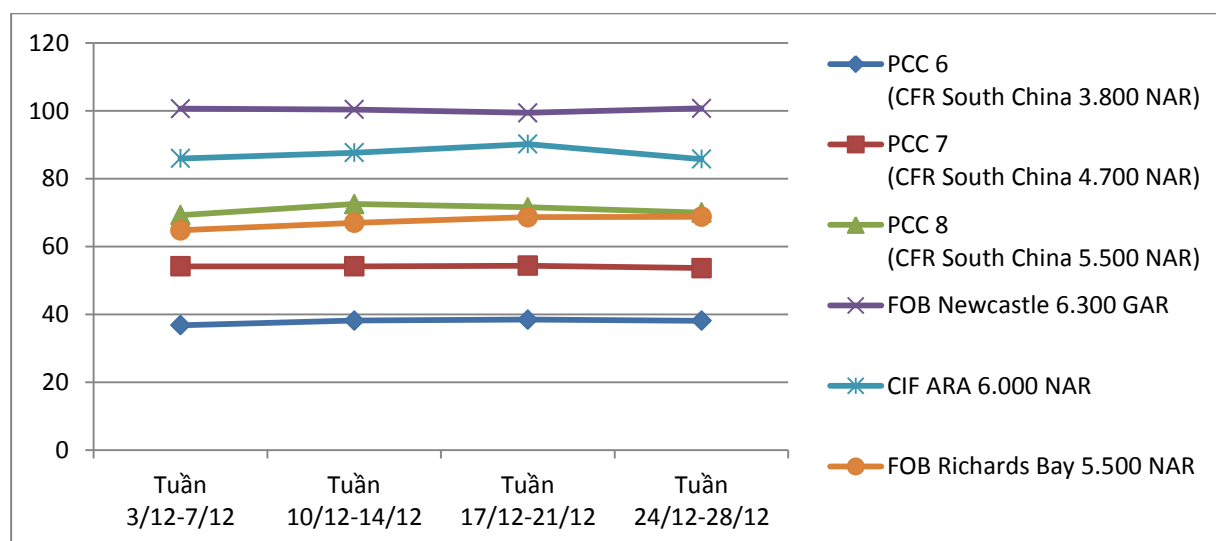
(Từ 24/12 – 28/12)

### I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

#### 1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 3/12-7/12	Tuần 10/12-14/12	Tuần 17/12-21/12	Tuần 24/12-28/12
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	36,77	38,14	38,36	38,1
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	54,12	54,14	54,02	53,60
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	69,22	72,48	70,68	70
FOB Newcastle 6,300 GAR	100,6	100,37	98,33	100,68
CIF ARA 6,000 NAR	85,94	87,64	89,29	85,73
FOB Richards Bay 5,500 NAR	64,75	66,95	68,47	68,73
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	101,95	102,40	100,56	102,55



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 4 tháng 12 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## 2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 4 tháng 12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	N/A	N/A	N/A	7,95	8,20
2	Queensland – Nhật Bản	N/A	N/A	N/A	9,00	9,25
3	New South Wales – Hàn Quốc	N/A	N/A	N/A	9,85	10,10
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	12,70	12,70
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	8,50	8,50
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	12,90	12,90
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	7,20	7,10
5	Úc - Trung Quốc	N/A	N/A	N/A	11,35	11,35
6	Úc - Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	12,40	12,40

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Đài Loan nhập khẩu 5,93 triệu tấn than trong tháng 10, tăng 5% so với năm ngoái

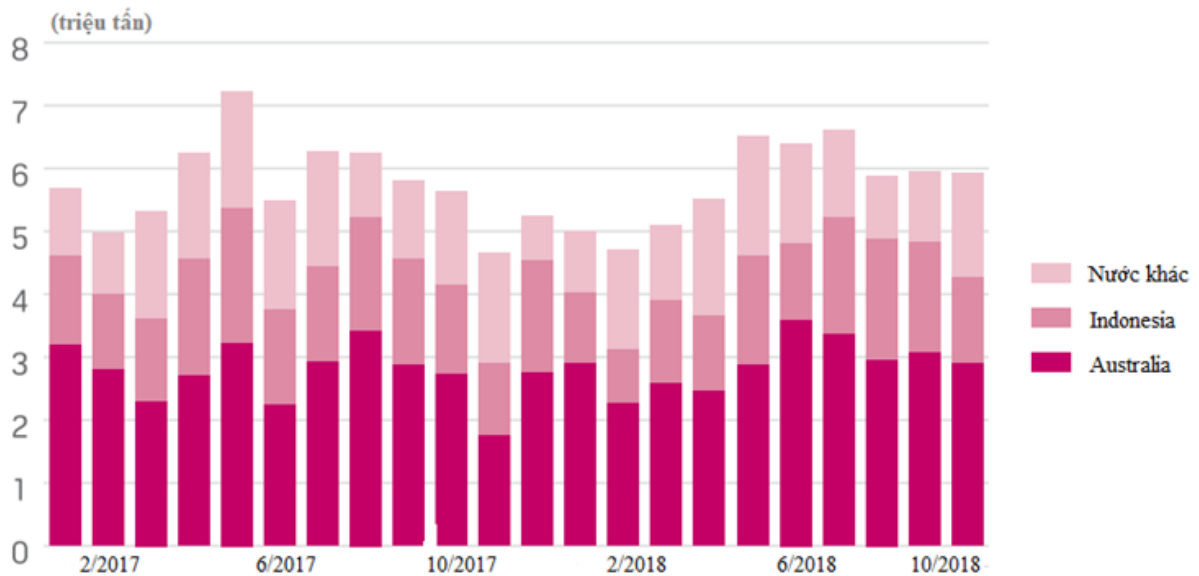
Đài Loan đã nhập khẩu 5,39 triệu tấn than trong tháng 10, giảm 1% so với tháng 9 nhưng tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu của Hải quan. Khối lượng trên đã bao gồm 5,07 triệu tấn than bitum và 865.320 triệu tấn than á bitum.

Australia là nước xuất khẩu than lớn nhất tới Đài Loan, với 2,9 triệu tấn than, giảm 5% so với tháng trước đó và tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lượng than nhập khẩu từ Indonesia đạt 1,38 triệu tấn, giảm 22% so với tháng trước và 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Than Nga nhập khẩu tăng lên 912.295 tấn, tăng 30% so với tháng 9 và 26% so với cùng kỳ năm trước. Lượng than nhập khẩu từ Nam Phi đạt 244.291 tấn, tăng 48% so với tháng trước 9 và 39% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng than từ Canada trong tháng 10 cao hơn gấp đôi so với tháng 9 lên 316.736 triệu tấn, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Colombia xuất khẩu sang Đài Loan 130.780 tấn than, giảm 38% so với cùng kỳ năm ngoái (từ tháng 3 đến tháng 9 không có chuyến hàng than Colombia đến Đài Loan). Đài Loan không nhập khẩu than Mỹ trong tháng 10.

### NHẬP KHẨU THAN CỦA ĐÀI LOAN TRONG THÁNG 11

	Khối lượng (tấn)	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Australia	2.899.198	-5	6
Indonesia	1.378.181	-22	-3
Nga	912.295	30	26
Nam Phi	244.291	48	39
Canada	316.736	118	25
Colombia	130.780	n/a	-38
Nước khác	49.488	33	n/a
Tổng	5.930.969	-1	5

## Nhập khẩu than nhiệt của Đài Loan



(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))

### Lượng than nhập khẩu tại các NMNĐ Ấn Độ từ tháng 4 đến tháng 11 không thay đổi so với năm ngoái

Các NMNĐ Ấn Độ đã nhập khẩu 39,10 triệu tấn than nhiệt trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2018, không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu mới nhất từ Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ (CEA) đưa ra hôm thứ 4 (26/12). Trong đó khoảng 13,43 triệu tấn than được nhập khẩu bởi 26 nhà máy với mục đích phối trộn, trong khi 25,67 triệu tấn than còn lại được nhập khẩu bởi 9 nhà máy thiết kế để sử dụng than nhập.

NMNĐ Mundra của Adani nhập khẩu khối lượng than lớn nhất trong vòng tám tháng đầu năm tài chính 2018-2019 (giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 10) ở mức 7,5 triệu tấn, tiếp đó là siêu NMNĐ Mundra của Tata Power với khối lượng 6,9 triệu tấn, JSW Energy nhập khẩu 3,3 triệu tấn. Ngoài ra có 27 nhà máy không nhập khẩu bất kỳ chuyến hàng than nào. Trên cơ sở hàng tháng, nhập khẩu than nhiệt trong tháng 11 đạt 5,15 triệu tấn, không thay đổi so với cùng kỳ năm ngoái. Các NMNĐ đã nhập khẩu 56,41 triệu tấn than đốt lò trong năm tài chính 2017-2018, giảm 13% so với cùng kỳ năm ngoái.

### Sản lượng than của Singareni Collieries Ấn Độ từ tháng 4 đến tháng 12 tăng 8,5% so với năm ngoái

Công ty thuộc sở hữu nhà nước Singareni Collieries Limited (SCCL) mới đây báo cáo sản lượng than giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 12 đạt 45,57 triệu tấn, tăng 8,5% so với năm ngoái nhưng thấp hơn sản lượng mục tiêu 47,51 triệu tấn. Khối lượng than trong hợp đồng offtake giai đoạn chín tháng đạt 49,11 triệu tấn, tăng 5% so với năm ngoái và đã đạt được sản lượng mục tiêu đề ra. Sản lượng trong tháng 12 đạt 6,04 triệu tấn, tăng 6,4% so với năm ngoái, trong khi lượng than trong hợp đồng offtake đạt 6,08 triệu tấn, tăng gần 2% so với năm ngoái.

SCCL là công ty sản xuất than lớn thứ 2 Ấn Độ sau Coal India, và là công ty liên danh giữa chính quyền Telagana và chính quyền Trung ương Ấn Độ với tỷ lệ sở hữu 51:49. SCCL khai thác 29 mỏ ngầm và 19 mỏ lộ thiên, cung ứng 66% sản lượng than cho các nhà máy nhiệt điện. Khối lượng còn lại được bán cho các công ty xi măng, các nhà máy điện tự bao tiêu, các công ty sản xuất quặng và các khách hàng khác tại Ấn Độ.

(Nguồn: [www.spglobal.com](http://www.spglobal.com))